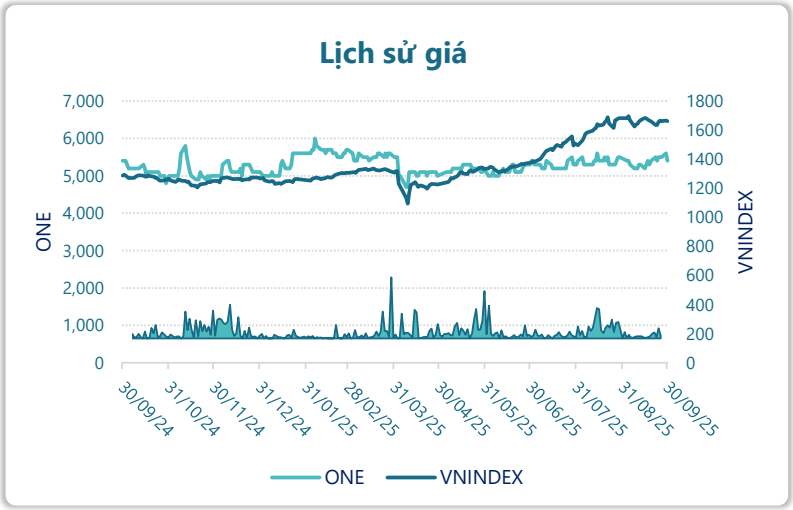
FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,825
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
P/E	4.1
EPS	1,305

DT thuần

Q3/25

160

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 91.7| 135%

YoY: ▲ 128| 401%

LN sau thuế

Q3/25

1.86

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.95| 104%

YoY: ▲ 2.81| 295%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.7%

+/- YoY: ▲ 3.4%

DT thuần

9T 2025

264

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 62.0| 30.7%

LN sau thuế

9T 2025

2.33

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.97| 135%

ROE

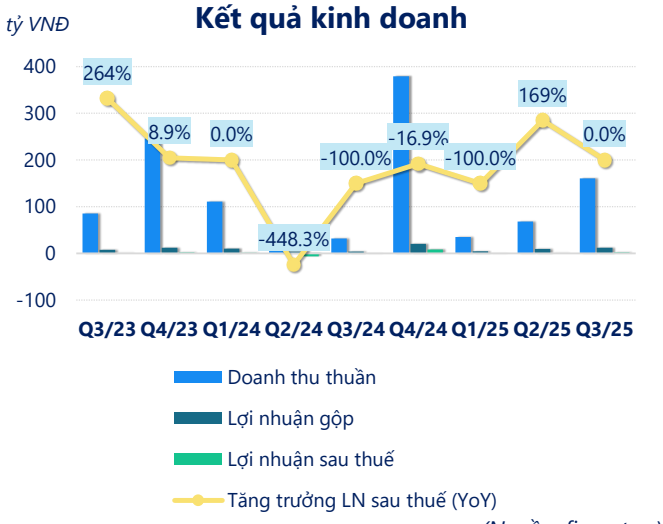
Q3/25

10.4%

+/- YoY: ▲ 15.1%

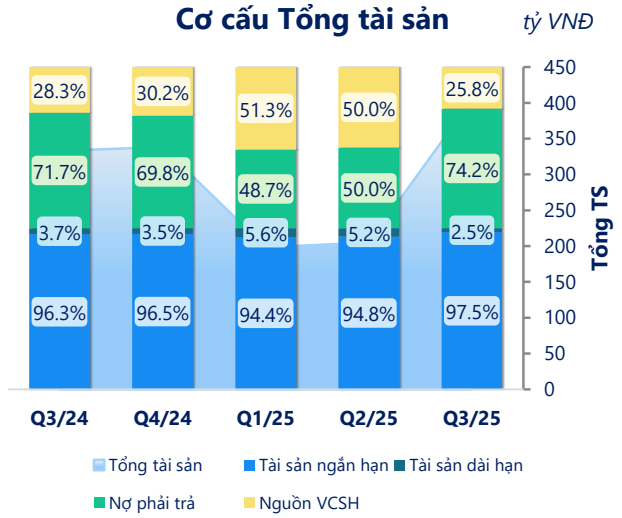
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



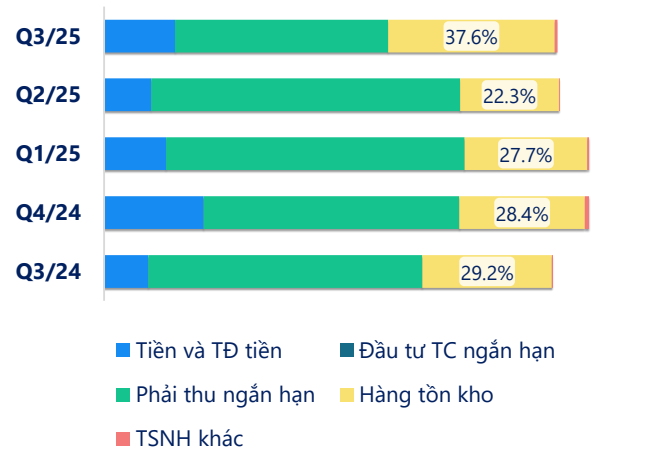
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



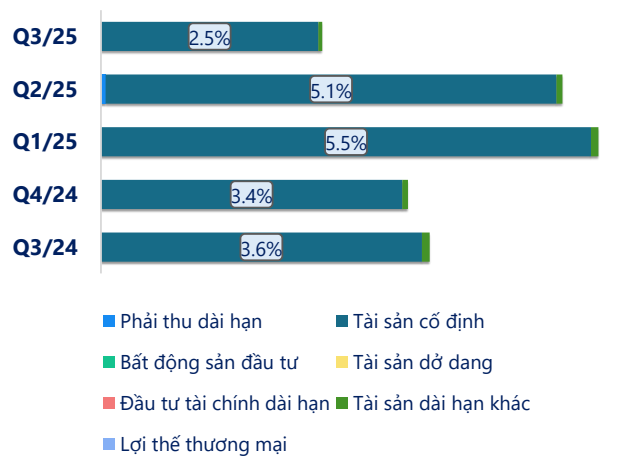
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



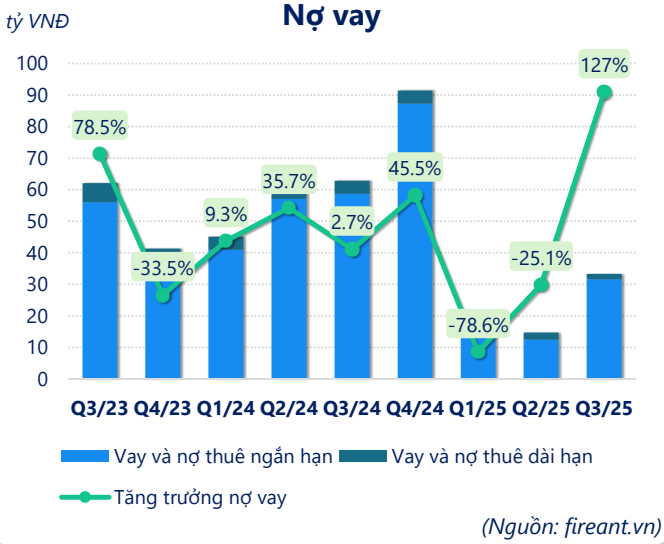
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



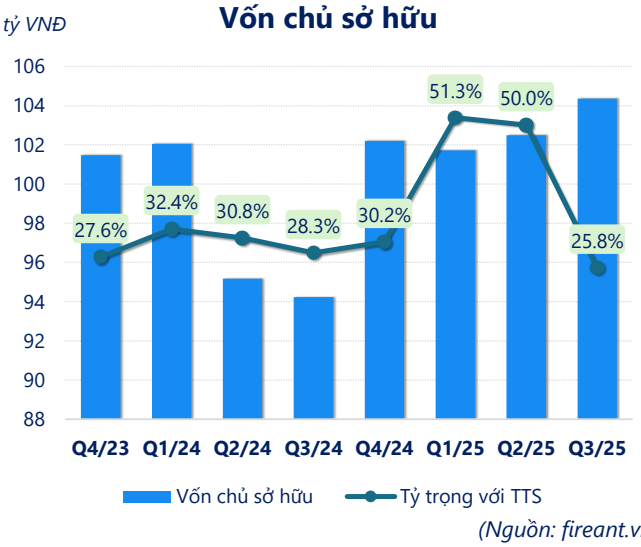
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



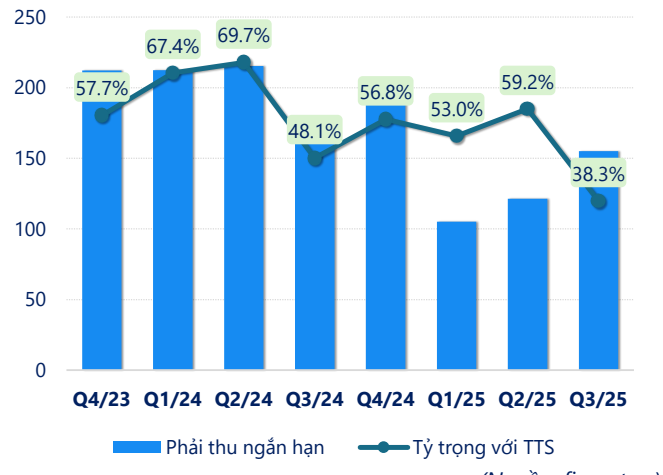
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



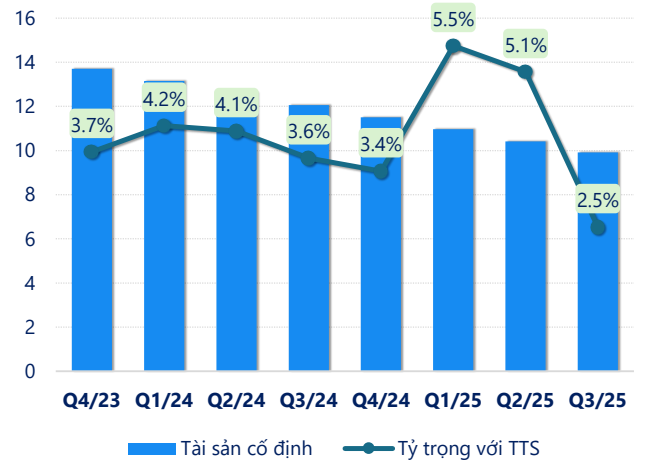
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



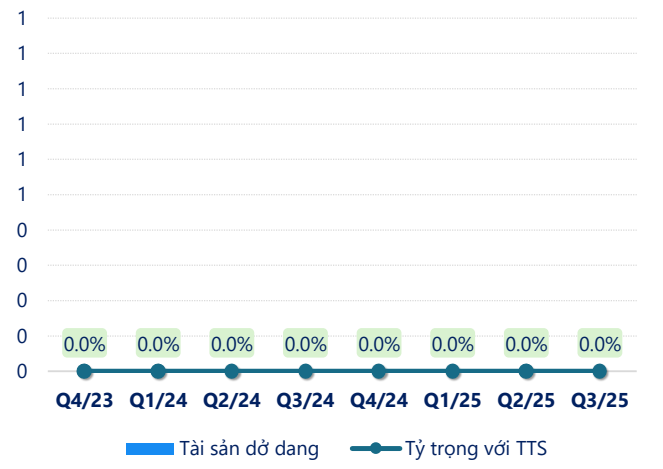
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



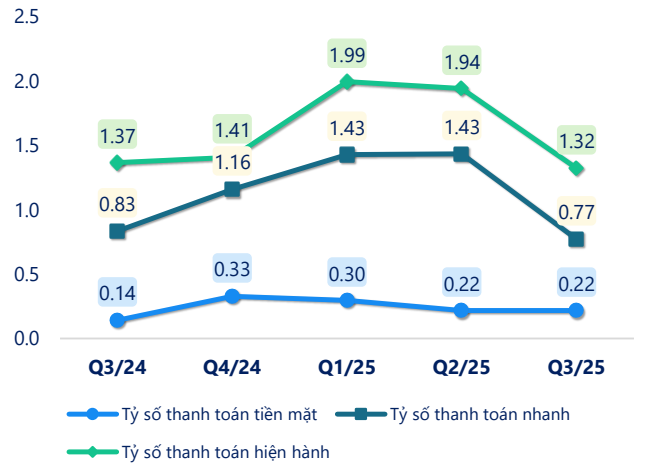
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



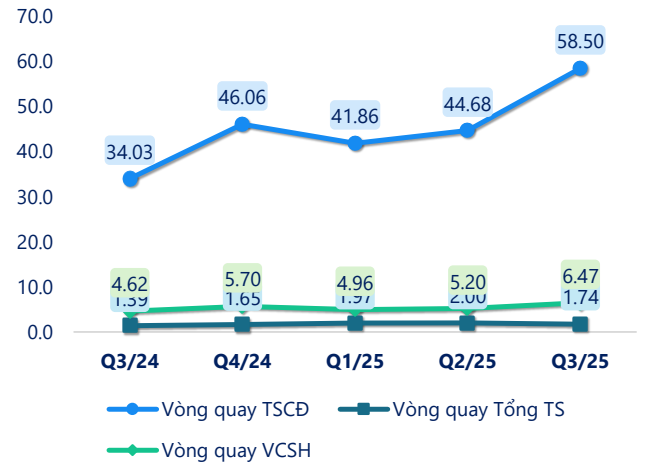
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**333**	**339**	**198**	**205**	**404**
Tài sản ngắn hạn	**321**	**327**	**187**	**194**	**394**
Tiền và tương đương tiền	33.2	76.0	27.8	21.8	64.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	160	192	105	121	155
Hàng tồn kho	125	57.9	53.2	50.7	164
Tài sản ngắn hạn khác	2.19	0.49	1.06	0.40	10.0
Tài sản dài hạn	**12.4**	**11.7**	**11.1**	**10.7**	**10.1**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0.11	0
Tài sản cố định	12.1	11.5	11.0	10.4	9.92
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.29	0.21	0.16	0.14	0.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**239**	**236**	**96.6**	**102**	**300**
Nợ ngắn hạn	**235**	**232**	**93.9**	**100**	**298**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.7	87.3	16.9	12.4	31.6
Phải trả người bán ngắn hạn	89.6	123	51.2	51.4	182
Nợ dài hạn	4.14	4.14	2.71	2.23	1.75
Vay và nợ thuê dài hạn	4.14	4.14	2.71	2.23	1.75
Nguồn vốn chủ sở hữu	**94.2**	**102**	**102**	**102**	**104**
Vốn chủ sở hữu	**94.2**	**102**	**102**	**102**	**104**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	79.6	79.6	79.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)